

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTQ)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Hoạt động	Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007 Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008 Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008 Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 Số 09/UBCK-GP ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Phương Chủ tịch Ông Cung Trần Việt Thành viên Ông Nguyễn Hoàng Bảo Thành viên Ông Phạm Gia Tuấn Thành viên Ông Nguyễn Khánh Linh Thành viên (từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2014)
Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Gia Tuấn (bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2014) Ông Nguyễn Khánh Linh (từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2014)
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
Trụ sở chính	Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim Số 9-11 Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 11 đến trang 40.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Ian S. Lydall
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0559-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4442
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2015

Như đã nêu trong Thuyết minh 3.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		139.593.649.092	146.805.799.160
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		18.460.653.232	75.082.939.400
111	Tiền	5.1	3.460.653.232	3.082.939.400
112	Các khoản tương đương tiền	5.2	15.000.000.000	72.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		82.583.761.037	24.499.491.230
121	Đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(i)	86.743.830.492	29.073.719.580
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(ii)	(4.160.069.455)	(4.574.228.350)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		37.914.389.546	46.828.644.020
131	Phải thu khách hàng	5.4	31.900.000.000	37.806.297.610
132	Trả trước cho người bán		-	440.000.000
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.5	5.774.356.536	8.126.563.975
135	Các khoản phải thu khác	5.6	240.033.010	455.782.435
150	Tài sản ngắn hạn khác		634.845.277	394.724.510
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7	148.143.188	394.724.510
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.10	486.702.089	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		20.002.848.995	35.708.618.530
220	Tài sản cố định		1.684.298.126	313.889.730
221	Tài sản cố định hữu hình	5.8(a)	1.515.327.517	45.054.120
222	Nguyên giá		3.183.570.805	1.588.298.210
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.668.243.288)	(1.543.244.090)
227	Tài sản cố định vô hình	5.8(b)	168.970.609	268.835.610
228	Nguyên giá		768.209.540	768.209.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(599.238.931)	(499.373.930)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		17.518.581.873	34.216.524.480
258	Đầu tư dài hạn khác	5.3(b)(i)	17.784.480.000	34.412.500.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	5.3(b)(ii)	(265.898.127)	(195.975.520)
260	Tài sản dài hạn khác		799.968.996	1.178.204.320
261	Chi phí trả trước dài hạn		8.143.215	205.681.360
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.20 (b)	368.727.081	-
268	Tài sản dài hạn khác	5.9	423.098.700	972.522.960
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		159.596.498.087	182.514.417.690

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01 - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2014 VNĐ	2013 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		6.049.222.531	6.425.840.032
310	Nợ ngắn hạn		5.655.610.815	5.910.072.892
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.10	853.603.827	3.059.764.462
315	Phải trả người lao động		3.952.464.550	1.971.753.180
316	Chi phí phải trả	5.11	344.905.828	374.081.050
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		16.930.910	16.768.500
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	Nợ dài hạn		393.611.716	515.767.140
333	Phải trả dài hạn khác	5.12	83.611.716	205.767.140
359	Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	5.13	310.000.000	310.000.000
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		153.547.275.556	176.088.577.658
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		153.547.275.556	176.088.577.658
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.14	130.000.000.000	150.000.000.000
412	(Chiết khấu)/thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	1.391.500.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		72.934.895	-
419	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		72.934.895	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.009.905.766	24.697.077.658
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		159.596.498.087	182.514.417.690

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01 - CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12	
		2014 VNĐ	2013 VNĐ
5	Ngoại tệ các loại		
5.1	Bảng Anh	-	290
5.2	Won Hàn Quốc	-	492.100
6	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		
6.1	Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá	14.267.900.000	3.600.010.000
7	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ theo mệnh giá	68.788.194.000	38.471.000.000
8	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		
8.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	6.488.163	-
9	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.962.189.080	-



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 02 - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ	
01	Doanh thu	5.15	8.016.925.383	18.479.866.580
02	Các khoản giảm trừ doanh thu			-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		8.016.925.383	18.479.866.580
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.16	(7.944.839.305)	(8.361.072.020)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		72.086.078	10.118.794.560
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.17	16.241.344.497	23.972.230.440
22	Chi phí tài chính	5.18	(2.046.971.916)	(605.819.700)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.19	(11.981.982.031)	(8.278.283.546)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.284.476.628	25.206.921.754
31	Thu nhập khác		483.841.278	227.405.640
32	Chi phí khác		(402.139.016)	(1.153.650)
40	Lợi nhuận khác		81.702.262	226.251.990
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.366.178.890	25.433.173.744
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.20 (a)	(1.276.208.073)	(4.239.689.872)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.20 (b)	368.727.081	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.458.697.898	21.193.483.872
70	Lãi trên cổ phiếu	5.21	108	1.413


 Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng



 Phạm Gia Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 03 - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2014	31.12.2013
		VNĐ	VNĐ
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	10.369.132.822	12.287.847.975
2	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(4.808.621.810)	(4.122.531.125)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(12.502.688.426)	(10.211.115.670)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.388.296.314)	(1.739.916.180)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.187.871.938	227.405.640
7	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(296.483.377)	(723.814.165)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.439.085.167)	(4.282.123.525)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(1.223.918.994)	(233.259.995)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(185.051.115.183)	(126.615.600.960)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	158.214.737.836	125.944.833.280
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.877.095.340	6.551.406.540
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(22.183.201.001)	5.647.378.865
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
32	Tiền mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	(24.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(24.000.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(56.622.286.168)	1.365.255.340
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	75.082.939.400	73.717.217.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	466.810
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	18.460.653.232	75.082.939.400



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 05 - CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

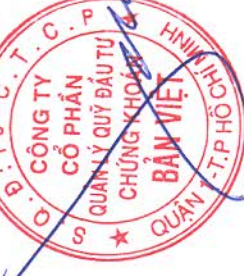
	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	150.000.000.000	1.391.500.000	-	-	3.503.593.786	154.895.093.786
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	21.193.483.872	21.193.483.872
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	150.000.000.000	1.391.500.000	-	-	24.697.077.658	176.088.577.658
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.458.697.898	1.458.697.898
Mua lại vốn cổ phần (Thuyết minh 5.14)	(20.000.000.000)	(4.000.000.000)	-	-	-	(24.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm (*)	-	-	72.934.895	72.934.895	(145.869.790)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	130.000.000.000	(2.608.500.000)	72.934.895	72.934.895	26.009.905.766	153.547.275.556

(*) Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Các quỹ này được trích lập một lần vào cuối năm tài chính.

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 40 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006, Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty mẹ”). Công ty mẹ là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 20/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 9 năm 2014. Hoạt động chính của Công ty mẹ là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trong năm 2014, Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt và Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt.

	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Hoạt động chính	Quỹ thành viên dạng đóng	Quỹ mở
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 08/TB-UBCK	Số 11/GCN-UBCK
Vốn góp của các thành viên	287.984.000.000 Đồng	54.314.089.552 Đồng
Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	404.350.419.853 Đồng	55.139.390.747 Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 20 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 18 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 6 người:

Nhân viên	Chức vụ	Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số	Ngày cấp
Phạm Gia Tuấn	Tổng Giám đốc	000365/QLQ	13 tháng 7 năm 2009
Cung Trần Việt	Giám đốc Phân tích	000537/QLQ	29 tháng 1 năm 2010
Nguyễn Xuân Giao	Giám đốc Đầu tư	000907/QLQ	6 tháng 11 năm 2013
Nguyễn Đông Hải	Giám đốc Đầu tư	000980/QLQ	4 tháng 7 năm 2013
Phạm Xuân Đồng	Giám đốc Đầu tư	001172/QLQ	11 tháng 11 năm 2014
Phạm Viết Lan Anh	Trưởng phòng Đầu tư	000988/QLQ	4 tháng 7 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ, Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư

Công ty không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư và không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư. Do vậy, các khoản đầu tư được ghi nhận là công cụ tài chính thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

(a) Phân loại

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

Dự phòng được lập cho các các khoản đầu tư chứng khoán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX") và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom"), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Vốn

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty thì khoản tiền bỏ ra để mua sẽ được trừ vào vốn chủ sở hữu dưới hình thức vốn cổ phiếu quỹ cho đến khi các cổ phiếu này được bán ra hoặc phát hành lại hoặc điều chỉnh giảm vốn. Khoản tiền nhận được do bán ra hoặc phát hành lại sẽ được ghi vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành/mua lại cổ phiếu cao hơn/(thấp hơn) mệnh giá được ghi nhận là thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt và Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("các Quỹ"). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ vào ngày cuối tháng.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác

Lãi/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.10 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.11 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1 TIỀN

	31.12.2014	31.12.2013
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	27.159.837	39.985.010
Tiền gửi ngân hàng	3.433.493.395	3.042.954.390
	<u>3.460.653.232</u>	<u>3.082.939.400</u>

5.2 CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

(i) Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2014		Tại ngày 31.12.2013	
	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty Cổ phần Sữa Việt nam ('VNM')	-	-	70.000	9.870.944.240
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật ('JVC')	757.430	12.255.813.299	1	15.870
Công ty Cổ phần PT Đầu tư Công nghệ FPT ('FPT')	20.000	974.647.435	120.000	5.786.683.020
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ('TCM')	-	-	30.000	618.426.250
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy dầu khí ('PXS')	-	-	50.000	742.581.200
Tổng Công ty Khí Việt Nam ('GAS')	-	-	90.000	6.055.069.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí ('PVD')	10.000	911.467.193	-	-
Công ty Cổ phần Kinh Đô ('KDC')	174.000	9.845.874.430	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền ('KDH')	208.400	4.560.351.271	-	-
Công ty Cổ phần Miền Đông ('MDG')	151.960	1.143.452.609	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ('SSI')	70.000	2.108.310.505	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ('DBC')	35.000	943.913.750	-	-
		<u>32.743.830.492</u>		<u>23.073.719.580</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần E-Study School	345.100	6.000.000.000	345.100	6.000.000.000
Đầu tư chứng chỉ quỹ mở				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (*)	4.776.119,40	48.000.000.000	-	-
		<u>86.743.830.492</u>		<u>29.073.719.580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 4 năm 2014, Công ty đã mua 4.776.119,40 chứng chỉ quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") và nắm giữ như một khoản đầu tư thông thường. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số lượng chứng chỉ quỹ do Công ty nắm giữ tương đương 80% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (Thuyết minh 7(b)).

Trong năm, biến động của nguyên giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2014 VND	Mua trong năm VND	Bán trong năm VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	23.073.719.580	133.011.115.183	(123.341.004.271)	32.743.830.492
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Chứng chỉ quỹ mở	-	48.000.000.000	-	48.000.000.000
	<u>29.073.719.580</u>	<u>181.011.115.183</u>	<u>(123.341.004.271)</u>	<u>86.743.830.492</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2014		Tại ngày 31.12.2013	
	Số lượng	Dự phòng VND	Số lượng	Dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty CP Sữa Việt nam ('VNM')	-	-	70.000	(420.944.240)
Công ty CP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ('TCM')	-	-	30.000	(426.250)
Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy dầu khí ('PXS')	-	-	50.000	(7.581.200)
Tổng Công ty Khí Việt Nam ('GAS')	-	-	90.000	(70.069.000)
Công ty CP Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT ('FPT')	20.000	(14.647.435)	120.000	(134.683.020)
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí ('PVD')	10.000	(266.467.193)	-	-
Công ty CP Kinh Đô ('KDC')	174.000	(1.163.274.431)	-	-
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền ('KDH')	208.400	(350.671.271)	-	-
Công ty CP Miền Đông ('MDG')	151.960	(338.063.218)	-	-
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn ('SSI')	70.000	(183.310.504)	-	-
		(2.316.434.052)		(633.703.710)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết				
Công ty CP E-Study School	345.100	(1.203.110.000)	345.100	(3.940.524.640)
		(1.203.110.000)		(3.940.524.640)
Đầu tư chứng chỉ quỹ mở				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	4.776.119,40	(640.525.403)	-	-
		(640.525.403)		-
		(4.160.069.455)		(4.574.228.350)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Trong năm, biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Dự phòng trong năm VNĐ	Hoàn nhập trong năm VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	633.703.710	2.301.788.006	(619.057.664)	2.316.434.052
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	3.940.524.640	-	(2.737.414.640)	1.203.110.000
Chứng chỉ quỹ mở	-	640.525.403	-	640.525.403
	<u>4.574.228.350</u>	<u>2.942.313.409</u>	<u>(3.356.472.304)</u>	<u>4.160.069.455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31.12.2014			Tại ngày 31.12.2013		
	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND
Đầu tư cổ phiếu						
Công ty CP Gemadep Vũng Tàu	10%	960.000	9.600.000.000	10%	960.000	9.600.000.000
Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt	3%	52.000	520.000.000	3%	52.000	520.000.000
Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	-	-	-	5%	1.890.000	18.000.000.000
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	0.32%	400.000	4.040.000.000	-	-	-
			<u>14.160.000.000</u>			<u>28.120.000.000</u>
Đầu tư chứng chỉ quỹ						
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	1%	34,56	3.624.480.000	1%	60,00	6.292.500.000
			<u>17.784.480.000</u>			<u>34.412.500.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Trong năm, biến động nguyên giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Nguyên giá 1.1.2014 VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Nguyên giá 31.12.2014 VNĐ
Đầu tư cổ phiếu	28.120.000.000	4.040.000.000	(18.000.000.000)	14.160.000.000
Đầu tư chứng chỉ quỹ	6.292.500.000	-	(2.668.020.000)	3.624.480.000
	<u>34.412.500.000</u>	<u>4.040.000.000</u>	<u>(20.668.020.000)</u>	<u>17.784.480.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(ii) *Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn*

	2014		2013	
	Số lượng	Dự phòng VND	Số lượng	Dự phòng VND
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt	52.000	(265.898.127)	52.000	(195.975.520)
Trong năm, biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:				
	Tại ngày 1.1.2014 VND	Dự phòng trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
Đầu tư cổ phiếu	195.975.520	69.922.607	-	265.898.127



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết (*)	31.900.000.000	36.500.000.000
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết (**)	-	1.306.297.610
	<u>31.900.000.000</u>	<u>37.806.297.610</u>

(*) Đây là khoản phải thu từ bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học Cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Các khoản này sẽ được thanh toán trong năm 2015.

(**) Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các chứng khoán được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(b))	224.201.770	996.260.757
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	654.766	-
Phải thu phí thưởng hoạt động	-	7.130.303.218
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.017.500.000	-
Phải thu hoạt động tư vấn quản trị	4.532.000.000	-
	<u>5.774.356.536</u>	<u>8.126.563.975</u>

5.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	7.500.000	56.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	46.652.778	324.527.780
Phải thu người lao động	21.446.943	29.670.340
Phải thu khác	164.433.289	45.584.315
	<u>240.033.010</u>	<u>455.782.435</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, các tài sản phân loại lại từ tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 4 năm 2013 (“Thông tư 45/2013”).

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	1.588.298.210	1.588.298.210
Mua trong năm	1.678.448.281	66.422.000	1.744.870.281
Thanh lý nhượng bán	-	(149.597.686)	(149.597.686)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>1.678.448.281</u>	<u>1.505.122.524</u>	<u>3.183.570.805</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	(1.543.244.090)	(1.543.244.090)
Khấu hao trong năm	(223.793.104)	(50.803.780)	(274.596.884)
Thanh lý nhượng bán	-	149.597.686	149.597.686
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>(223.793.104)</u>	<u>(1.444.450.184)</u>	<u>(1.668.243.288)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	45.054.120	45.054.120
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>1.454.655.177</u>	<u>60.672.340</u>	<u>1.515.327.517</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.330.570.518 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.480.168.214 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	768.209.540
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	(499.373.930)
Khấu hao trong năm	(99.865.001)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	(599.238.931)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	268.835.610
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	168.970.609

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 436.029.542 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 471.684.537 Đồng).

5.9 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Phát sinh VNĐ	Chi trả VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.741.300	524.505.000	(22.741.300)	504.505.000
Thuế thu nhập cá nhân	431.637.010	2.358.779.615	(2.441.317.798)	349.098.827
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư	-	50.990.000	(50.990.000)	-
Thuế TNDN hiện hành (Thuyết minh 5.20)	2.625.386.152	1.276.208.073	(4.388.296.314)	(486.702.089)
	<u>3.059.764.462</u>	<u>4.210.482.688</u>	<u>(6.903.345.412)</u>	<u>366.901.738</u>

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm trích trước cho các chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp.

5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VNĐ
Số dư đầu năm	205.767.140
Chi trả trong năm	(122.155.424)
Số dư cuối năm	<u>83.611.716</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.13 QUỸ DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trích lập dựa trên tổng tài sản mà Công ty đang quản lý.

5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2014	31.12.2013
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	13.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	13.000.000	15.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	15.000.000	150.000.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ và giảm vốn điều lệ (*)	(2.000.000)	(20.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	13.000.000	130.000.000.000

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 10 tháng 3 năm 2014 Công ty được phép mua lại 13,3% số cổ phiếu đang lưu hành và sau đó thực hiện giảm vốn. Theo đó, Công ty đã giảm vốn điều lệ theo giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.15 DOANH THU

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(a))	2.967.870.617	11.349.563.362
Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	-	7.130.303.218
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.045.000.000	-
Doanh thu hoạt động ủy thác	654.766	-
Doanh thu khác	3.400.000	-
	<u>8.016.925.383</u>	<u>18.479.866.580</u>

5.16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong năm là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và phát hành chứng chỉ quỹ mở.

Chi tiết chi phí hoạt động kinh doanh như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	6.003.279.290	6.177.889.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.739.906	347.134.631
Chi phí thuê văn phòng và bảo hiểm	770.658.569	783.423.310
Các chi phí khác	996.161.540	1.052.624.489
	<u>7.944.839.305</u>	<u>8.361.072.020</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.532.575.338	4.459.127.930
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	10.346.387.871	15.151.360.010
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.018.145.000	2.152.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	344.236.288	2.209.275.690
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	466.810
	<u>16.241.344.497</u>	<u>23.972.230.440</u>

5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	<u>2.046.971.916</u>	<u>605.819.700</u>

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	8.480.120.506	5.474.296.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.721.979	273.856.770
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	898.317.981	670.707.730
Chi phí kiểm toán và tư vấn	347.791.759	316.100.000
Chi phí khác	2.056.029.806	1.543.322.156
	<u>11.981.982.031</u>	<u>8.278.283.546</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.20 THUẾ

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.366.178.890	25.433.173.744
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20% (*)	473.235.778	5.086.634.749
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(803.629.000)	(430.400.000)
Lãi do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	(93.362)
Chi phí không được khấu trừ	324.378.049	52.552.863
Thuế hoãn lại từ lỗ tính thuế lũy kế không được ghi nhận	-	(469.004.378)
Dự phòng thiếu của các năm trước	913.496.165	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	907.480.992	4.239.689.872
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN hiện hành	1.276.208.073	4.239.689.872
Thuế TNDN hoãn lại	(368.727.081)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	907.480.992	4.239.689.872

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế. Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(*) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của Công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2015 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 22%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.20 THUẾ (tiếp theo)

(b) Thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được ghi nhận như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 5.20 (a))	368.727.081	-
Số dư cuối năm	<u>368.727.081</u>	<u>-</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết (Thuyết minh 5.3).

5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	1.458.697.898	21.193.483.872
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	13.537.068	15.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>108</u>	<u>1.413</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho ban điều hành và Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền và tương đương tiền nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Chi phí phải trả	344.905.828
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
Chi phí phải trả	374.081.050
	<hr/> <hr/>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

BẢN VIẾT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 8.160.647.058 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.734.793.504 Đồng) tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ	31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
Tài sản tài chính				
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
- Cổ phiếu niêm yết	30.427.396.440	22.440.015.870	30.839.249.000	22.440.018.300
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.796.890.000	2.059.475.360	Không xác định	Không xác định
- Chứng chỉ quỹ mở	47.359.474.597	-	47.359.474.597	-
Đầu tư tài chính dài hạn				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	Không xác định	Không xác định
- Đầu tư dài hạn khác	17.518.581.873	34.216.524.480	Không xác định	Không xác định
Các khoản phải thu	37.914.389.546	46.828.644.020	37.914.389.546	46.828.644.020
Tiền và tương đương tiền	18.460.653.232	75.082.939.400	18.460.653.232	75.082.939.400
Nợ tài chính phải trả				
Chi phí phải trả	344.905.828	374.081.050	344.905.828	374.081.050

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có liên quan đến các bên như sau:

Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y tế Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
 Ngân hàng TMCP Bản Việt
 Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Quan hệ

Công ty mẹ
 Quỹ do công ty quản lý
 Quỹ do công ty quản lý
 Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
 Nhân sự quản lý chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.15)		
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	2.349.082.557	11.349.563.362
Phí thường hoạt động từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	7.130.303.218
Phí phát hành và phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	618.788.060	-
	<u>2.967.870.617</u>	<u>18.479.866.580</u>
ii) Mua dịch vụ		
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	386.848.216	364.769.802
	<u>386.848.216</u>	<u>364.769.802</u>
iii) Thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty CP Trường Tiểu học - Trung học Cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada	-	32.601.000.000
	<u>-</u>	<u>32.601.000.000</u>
iv) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.700.000.000	4.781.000.000
	<u>4.700.000.000</u>	<u>4.781.000.000</u>
v) Doanh thu hoạt động tài chính		
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt	1.503.445.605	4.392.887.505
	<u>1.503.445.605</u>	<u>4.392.887.505</u>

Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm 2014 của Công ty vào Ngân hàng TMCP Bản Việt là 338.500.000.000 Đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	Tại ngày 31.12.2014		Tại ngày 31.12.2013	
	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (bằng cổ phiếu)	-	-	1.890.000	18.000.000.000
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	34,56	3.624.480.000	60.00	6.292.500.000
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	4.776.119,40	48.000.000.000	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ		
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Y tế Chứng khoán Bản Việt	168.572.759	996.260.757
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Cân bằng Bản Việt	55.629.011	-
Phí thường hoạt động phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	7.130.303.218
	<u>224.201.770</u>	<u>8.126.563.975</u>
Các số dư khác với các bên liên quan		
Tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Bản Việt	15.000.000.000	72.000.000.000
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại ngân hàng TMCP Bản Việt	46.652.778	324.527.780
	<u>15.046.652.778</u>	<u>72.324.527.780</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
Dưới 1 năm	1.835.234.280	-
Từ 1 đến 5 năm	2.294.042.850	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.129.277.130	-

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc duyệt để phát hành ngày 13 tháng 3 năm 2014.



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc